

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG CON ĐƯỜNG TÒA ÁN	2
1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng tín dụng	2
1.1.1. Khái niệm hợp đồng tín dụng	2
1.1.2. Đặc điểm hợp đồng tín dụng	3
1.2. Khái niệm, phân loại, nguyên nhân tranh chấp hợp đồng tín dụng	4
1.2.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng	4
1.2.2. Phân loại tranh chấp hợp đồng tín dụng	5
1.2.3. Nguyên nhân tranh chấp hợp đồng tín dụng	5
1.3. Các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng	8
Kết luận Chương 1	12
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG CON ĐƯỜNG TÒA ÁN Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	12
2.1. Thực trạng quy định thẩm quyền của tòa án và trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng	12
2.1.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án	12
2.1.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án	13
2.1.3. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án	13
2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án ở Việt Nam	15

2.2.1 Tình hình tranh chấp hợp đồng tín dụng được giải quyết bằng con đường tòa án ở Việt Nam.....	15
2.2.2. Một số vụ án điển hình giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng tại tòa án ở Việt Nam.....	15
2.3. Nhận xét về thực trạng giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng tại Tòa án ở Việt Nam và các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới chất lượng bản án	16
2.3.1. Nhận xét về thực trạng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án hiện nay	16
2.3.2. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới chất lượng bản án.....	17
2.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án ở Việt Nam	18
2.4.1.Kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm hạn chế tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng	18
2.4.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật liên quan đến giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng	19
2.4.3. Các kiến nghị khác	Error! Bookmark not defined.
Kết luận Chương 2	24
KẾT LUẬN	24

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chính sách mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước đã góp phần tạo nên những bước tiến đáng kể vào công cuộc cải tiến nước nhà, mở ra nhiều cơ hội mới và cũng đặt ra những thách thức vô cùng to lớn cho mọi lĩnh vực, mọi doanh nghiệp trong đó không thể không nói đến ngân hàng, một lĩnh vực hết sức nhạy cảm ở các nước đi lên từ nền kinh tế bao cấp. Ngân hàng ra đời và phát triển gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền kinh tế hàng hóa để giải quyết nhu cầu phân phối vốn, nhu cầu thanh toán..., phục vụ cho việc phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế, cá nhân. Trong hoạt động ngân hàng thì cho vay là hoạt động truyền thống mang lại nguồn thu chủ yếu cho các ngân hàng nhưng cũng là hoạt động tiềm ẩn những rủi ro vô cùng lớn. Biểu hiện của rủi ro tín dụng khi khách hàng không hoàn trả gốc và lãi đúng hạn hoặc phát sinh ra những tranh chấp trong hợp đồng tín dụng...

Trong những năm qua, pháp luật về ngân hàng nói chung và pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng nói riêng đã được Nhà nước ta quan tâm và không ngừng hoàn thiện như: Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Tố tụng Dân sự 2004, sửa đổi bổ sung 2011, Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành...những văn bản trên tạo ra khung pháp lý quan trọng, tạo đà cho hoạt động cho vay của các Ngân hàng phát triển, thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì pháp luật về ngân hàng nói chung và pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng nói riêng còn nhiều bất cập. Bằng đề tài: **“Pháp luật về giải quyết tranh chấp phát**

sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án ở Việt Nam” với mong muốn nghiên cứu những quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án, đánh giá thực trạng áp dụng và các vấn đề phát sinh từ việc áp dụng các quy phạm pháp luật đó, từ đó đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án.

Với luận văn này, tôi mong muốn làm rõ hơn những vấn đề cơ bản về hợp đồng tín dụng, giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng, chỉ ra những bất cập của việc thực hiện các quy định của pháp luật trong thực tiễn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Từ đó, đề xuất những giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG CON ĐƯỜNG TÒA ÁN

1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng tín dụng

1.1.1. Khái niệm hợp đồng tín dụng

Hợp đồng tín dụng là một dạng cụ thể của hợp đồng vay tài sản đã được quy định trong BLDS 2005. Tuy nhiên, chỉ gọi là HĐTĐ trong trường hợp bên cho vay là các tổ chức tín dụng, trong đó chủ yếu là các ngân hàng. Theo quy định tại điều 471 BLDS 2005: “Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho

bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định”. Hợp đồng tín dụng về bản chất là hợp đồng cho vay, theo đó ngân hàng là bên cho vay giao cho bên vay một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời hạn nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi. Còn những hoạt động cấp tín dụng khác như bảo lãnh, cầm cố, chiết khấu giấy tờ có giá được gọi chung là hợp đồng cấp tín dụng.

Có thể hiểu “HĐTD là sự thoả thuận bằng văn bản giữa TCTD (bên cho vay) với tổ chức, cá nhân có đủ những điều kiện luật định (bên vay), theo đó TCTD chuyển giao một số tiền cho bên vay sử dụng vào mục đích và trong một thời hạn được xác định, khi đến hạn, bên vay phải trả cả gốc và lãi được xác định theo lãi suất mà các bên đã thoả thuận”.

Như vậy, hợp đồng tín dụng ngân hàng là văn bản phản ánh thoả thuận trực tiếp của tổ chức tín dụng và khách hàng trong việc xác lập một quan hệ cho vay, xác lập các quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các bên đó trong việc vay và hoàn trả vốn vay.

1.1.2. Đặc điểm hợp đồng tín dụng

HĐTD mang những đặc điểm chung của hợp đồng nhưng vẫn có những nét khác biệt cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng ngân hàng phải luôn được ký kết dưới hình thức văn bản. Với HĐTD bằng văn bản, các bên có thể thực hiện hợp đồng trong sự đảm bảo an toàn pháp lý và khi có tranh chấp xảy ra, HĐTD sẽ là căn cứ xác thực nhất để các cơ quan tài phán giải quyết tranh chấp.

- HĐTD có đối tượng là những khoản vốn được thể hiện dưới hình thức tiền tệ. Vốn tiền tệ trong HĐTD có thể là tiền đồng

Việt Nam hoặc ngoại tệ. Nhờ đó hoạt động cho vay đã trở thành hoạt động sinh lời chủ yếu của các TCTD và trở thành một hình thức tín dụng phổ biến trong nền kinh tế thị trường. Về nguyên tắc đối tượng của HĐTD bao giờ cũng là một số tiền xác định, được các bên thỏa thuận và ghi rõ trong hợp đồng.

- Một bên chủ thể của HĐTD bắt buộc là TCTD được thành lập và hoạt động cho vay theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản liên quan; có chức năng hoạt động, kinh doanh tín dụng. TCTD bao gồm ngân hàng và TCTD phi ngân hàng. Bên cho vay có thể là một hoặc nhiều TCTD (trường hợp cho vay hợp vốn) thỏa mãn điều kiện luật định.

- HĐTD phải được tuân thủ chặt chẽ về các nội dung bắt buộc, năng lực chủ thể của các bên tham gia quan hệ tín dụng, mục đích sử dụng vốn vay, giới hạn vốn vay, lãi suất vay và bảo đảm thực hiện hợp đồng, phương pháp giải quyết tranh chấp. TCTD không được cho vay vốn nhằm đáp ứng các nhu cầu bị cấm theo quy định của pháp luật.

1.2. Khái niệm, phân loại, nguyên nhân tranh chấp hợp đồng tín dụng

1.2.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng

Cùng với sự tồn tại và phát triển của các HĐTD là những tranh chấp trong HĐTD phát sinh từ sự mâu thuẫn hay không thống nhất về quyền và nghĩa vụ hoặc lợi ích trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng của các bên tham gia.

Tranh chấp HĐTD là những mâu thuẫn, bất đồng phát sinh từ quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng giữa bên cho vay (ngân hàng) và bên vay (khách hàng). Đó là những tranh chấp về lãi suất, nợ gốc, nợ lãi, việc giải ngân, xử lý tài sản đảm bảo, thế chấp...

1.2.2. Phân loại tranh chấp hợp đồng tín dụng

Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng có hai loại :

- Thứ nhất, tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp về hợp đồng dân sự khi bên vay vốn là hộ gia đình, cá nhân hay tổ chức không có đăng ký kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận.

- Thứ hai, tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp kinh doanh - thương mại khi bên vay vốn là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận [18, điểm m khoản 1 điều 29].

**** Các dạng tranh chấp hợp đồng tín dụng :***

- *Tranh chấp do các bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng:* hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên cho vay (ngân hàng) và hành vi vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi của bên vay.

- *Tranh chấp về chủ thể xác lập, thực hiện hợp đồng.* Tranh chấp này trên thực tế tương đối đa dạng và phức tạp nhất là trong những trường hợp có yếu tố nước ngoài.

- *Tranh chấp xảy ra từ việc thực hiện biện pháp bảo đảm đối với HĐTD có bảo đảm bằng tài sản và xử lý tài sản bảo đảm.* Các tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng này chủ yếu liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm.

- *Tranh chấp về pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD :* Nếu như khi ký hợp đồng tín dụng mà các bên đã không thoả thuận lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp cũng như luật áp dụng (nếu như có yếu tố nước ngoài) thì sau này có nhiều khả năng xảy ra việc tranh chấp về luật áp dụng để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng.

1.2.3. Nguyên nhân tranh chấp hợp đồng tín dụng

Nguyên nhân gây ra tranh chấp hợp đồng tín dụng rất đa dạng,

có thể xuất phát từ phía bên cho vay (ngân hàng) và cũng có thể xuất phát từ phía bên vay (khách hàng).

- Nguyên nhân từ phía ngân hàng cho vay có thể bao gồm:

+ *Thực hiện nghĩa vụ chuyển giao vốn (vấn đề giải ngân):* sau khi HĐTD có hiệu lực, việc thực hiện nghĩa vụ giải ngân khoản tín dụng mà hai bên đã thoả thuận là nghĩa vụ của bên cho vay.

Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều trường hợp sau khi ký kết HĐTD với khách hàng bên cho vay đã không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ giải ngân. Điều này, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bên vay, làm hạn chế khả năng thực hiện kế hoạch kinh doanh như dự kiến, hiệu quả kinh doanh đạt được thấp gây ảnh hưởng đến việc trả lãi và gốc sau này.

+ *Năng lực, phẩm chất, đạo đức của cán bộ tín dụng:* Thứ nhất, do sự hạn chế về năng lực nghiệp vụ của cán bộ ngân hàng nên việc đánh giá biện pháp bảo đảm tiền vay còn nhiều bất cập, chưa phân tích, đánh giá hết các điều kiện về biện pháp bảo đảm tiền vay một cách chính xác. Thứ hai, do các ngân hàng thường có thói quen tập trung nhiều công sức cho việc thẩm định trước khi cho vay mà không kiểm soát sử dụng vốn cho vay (lơ lỏng quá trình kiểm tra, kiểm soát dòng vốn sau khi cho vay).

- Nguyên nhân từ phía bên vay:

+ *Tranh chấp liên quan đến thanh toán nợ gốc và lãi suất.*

Bên vay không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ những nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi suất của mình có thể do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan chi phối.

Hầu như, các tranh chấp liên quan về hợp đồng tín dụng xuất phát từ việc khách hàng vay không thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng về mục đích vay vốn, thời hạn trả nợ gốc và lãi. Việc

khách hàng thực hiện không đúng các cam kết trong hợp đồng bởi những lý do sau đây :

Thứ nhất, do quy trình xét duyệt cho vay là cả quá trình tương đối dài, tốn khá nhiều thời gian, đặc biệt đối với những dự án lớn, những hợp đồng tín dụng trung và dài hạn thì quá trình này còn dài hơn nữa.

Thứ hai, khi xét duyệt cho vay tổ chức tín dụng thường cho vay thấp hơn nhiều lần so với nhu cầu vay vốn của khách hàng việc đó cũng ảnh hưởng đến kế hoạch đề ra đồng thời ảnh hưởng đến khả năng sử dụng vốn kém hiệu quả của khách hàng dẫn đến mất khả năng thanh toán gốc và lãi.

+ *Tranh chấp do khách hàng thiếu hiểu biết về pháp luật.*

Ngày nay, trình độ hiểu biết về pháp luật của bên vay còn hạn chế về những kiến thức pháp luật liên quan. Có trường hợp bên vay hay bên bảo lãnh ký hợp đồng trong khi bản thân không hiểu rõ về pháp luật, nên khả năng xảy ra những bất lợi cho mình là rất lớn. Chủ yếu tranh chấp xảy ra là ở các hợp đồng bảo lãnh.

- Nguyên nhân do bất cập của các qui định pháp luật:

Ở Việt Nam, hành lang pháp lý cho hoạt động giao dịch bảo đảm chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ và nhiều quy định không thể thực hiện được trên thực tế. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm thực hiện phân tán ở nhiều cơ quan khác nhau tạo kẽ hở trong quản lý. Trên thực tế ngân hàng không thật sự làm chủ trong việc xử lý tài sản thế chấp vì vấp phải các quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Đất đai, Luật Nhà ở và các quy định khác. Như vậy, dù đã tuân thủ nghiêm ngặt một trình tự, thủ tục phức tạp do luật định nhưng các hợp đồng công chứng trong lĩnh vực giao dịch bảo đảm chưa thể hiện được vị trí, vai trò của mình trên thực tế cuộc sống. Điều này, tạo điều kiện thuận lợi cho các khách hàng không có thiện chí trong

việc thanh toán các khoản nợ và lãi. Tất nhiên, tranh chấp sẽ xảy ra.

- Nguyên nhân từ thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước về bình ổn kinh tế:

Trên thực tế không phải lúc nào tổ chức tín dụng cũng toàn quyền quyết định trong hoạt động cho vay đó mà Nhà nước vẫn còn can thiệp rất sâu vào hoạt động kinh doanh của các ngân hàng, đặc biệt là giao dịch cho vay của ngân hàng đối với khách hàng là các doanh nghiệp nhằm phục vụ mục đích phát triển kinh tế và các chính sách về an sinh xã hội.

Thậm chí, ở một số nơi, vì chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, Chính quyền địa phương cũng “chỉ đạo” các ngân hàng cho vay các doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh thua lỗ tránh làm tăng mức độ thất nghiệp. Ngoài ra, các quan chức Chính phủ cũng thường can thiệp vào quyết định cho vay của ngân hàng, khiến các hoạt động tín dụng không hiệu quả. Đối với những loại hợp đồng tín dụng được ký kết vì bị tác động thường thì không đảm bảo các điều kiện về cho vay thì nguy cơ gây ra tranh chấp do không thu hồi được nợ rất cao.

- Nguyên nhân từ việc thay đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng vay tiền tại các tổ chức tín dụng không đúng quy định pháp luật:

Một hợp đồng đã được sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực pháp luật khi mà đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Do đó, nếu một hợp đồng vay tiền tại các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung không tuân thủ những quy định trên thì chắc chắn phần thay đổi đó sẽ không có hiệu lực pháp luật, từ đây tranh chấp rất có thể xảy ra.

1.3. Các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng

Để bảo đảm quyền lợi của các chủ thể tham gia giải quyết

tranh chấp hợp đồng tín dụng nên việc giải quyết tranh chấp này đòi hỏi phải đạt được các yêu cầu sau :

Thứ nhất, tranh chấp phải được giải quyết một cách kịp thời, phải đảm bảo nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro và có thể tận dụng được những cơ hội kinh doanh mới cho các chủ thể tham gia tranh chấp.

Thứ hai, trong quá trình giải quyết tranh chấp phải bảo đảm giữ được bí mật của hoạt động kinh doanh cũng như uy tín của các bên trong quan hệ tranh chấp. Bởi vì, các bên còn nhiều đối tác quan hệ kinh doanh khác.

Thứ ba, quá trình giải quyết phải đảm bảo tính dân chủ và quyền tự định đoạt của các bên với chi phí giải quyết thấp. Vì lợi ích kinh tế và sự ổn định trong kinh doanh của các bên tham gia giải quyết tranh chấp nên mỗi bên đều có quyền cân nhắc, lựa chọn phương thức và đưa ra yêu cầu giải quyết tranh chấp.

*** Các phương thức giải quyết tranh chấp:**

Khi xảy ra tranh chấp kinh doanh các bên có thể giải quyết tranh chấp thông qua việc trực tiếp thương lượng với nhau. Trong trường hợp không thương lượng được, việc giải quyết tranh chấp có thể được thực hiện với sự trợ giúp của bên thứ ba thông qua phương thức hòa giải, trọng tài hoặc tòa án.

- Đối với phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng thương lượng:

Phương thức thương lượng là phương thức được các bên tranh chấp lựa chọn trước tiên và trong thực tiễn phần lớn các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng được giải quyết bằng phương thức này. Thông qua phương thức này, các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, tự tháo gỡ những bất đồng phát sinh để loại bỏ tranh chấp

mà không cần có sự trợ giúp hay phán quyết của bất kỳ bên thứ ba nào. Nhà nước khuyến khích áp dụng phương thức tự thương lượng để giải quyết tranh chấp trên tinh thần hoàn toàn tôn trọng quyền thỏa thuận của các bên. Chính vì điều này, pháp luật không đưa ra bất cứ quy định nào cho phương thức giải quyết này.

- Đối với phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hoà giải:

Cũng giống như thương lượng, hoà giải là các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận để giải quyết các vấn đề tranh chấp nhưng khác là hoà giải có sự hỗ trợ của bên thứ ba là hòa giải viên. Người trung gian có thể là cá nhân, tổ chức luật sư, tư vấn, hoặc các tổ chức khác do các bên thỏa thuận lựa chọn. Bên thứ ba trung lập chỉ hỗ trợ các bên đưa ra thỏa thuận, không có thẩm quyền phán xét, điều này khác với phương pháp giải quyết bằng trọng tài. Kết quả hòa giải phụ thuộc vào thiện chí của các bên tranh chấp và uy tín, kinh nghiệm, kỹ năng của trung gian hòa giải, quyết định cuối cùng của việc giải quyết tranh chấp không phải của trung gian hòa giải mà hoàn toàn phụ thuộc các bên tranh chấp. Trên thực tế, phương thức hòa giải đã được sử dụng, nhưng phạm vi và hiệu quả áp dụng còn ở mức khiêm tốn.

- Đối với phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài thương mại:

Phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài thương mại cũng bắt nguồn từ sự thỏa thuận của các bên trên cơ sở tự nguyện và được tiến hành theo quy định của Luật Trọng tài thương mại. Các bên được quyền thỏa thuận lựa chọn một Trọng tài phù hợp, chỉ định trọng tài viên để thành lập Hội đồng (hoặc Ủy ban) Trọng tài giải quyết tranh chấp với tư cách là bên thứ ba độc lập

nhằm giải quyết mâu thuẫn tranh chấp bằng việc đưa ra phán quyết có giá trị bắt buộc thi hành. Điều này khác với phương thức thương lượng và hòa giải.

- *Đối với phương thức giải quyết tranh chấp HẾTD bằng tòa án:*

Vấn đề giải quyết tranh chấp HẾTD là vấn đề mang tính thường xuyên trong giai đoạn hiện nay, việc tự giải quyết tranh chấp của các bên gặp nhiều khó khăn vì nhiều nguyên nhân khác nhau và vì vậy cần thiết có sự can thiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà phổ biến là Tòa án nhân dân. Phương thức giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng tín dụng thông qua tòa án là hình thức cuối cùng mà các bên lựa chọn để giải quyết tranh chấp khi không còn lựa chọn nào khác. Thông thường thì hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thông qua Tòa án được tiến hành khi mà việc áp dụng cơ chế thương lượng và hoà giải không có hiệu quả và các bên tranh chấp cũng không thỏa thuận đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tranh chấp tại trọng tài.

Như vậy, có thể hiểu giải quyết tranh chấp bằng tòa án là hình thức giải quyết tranh chấp do cơ quan tài phán Nhà nước thực hiện. Tòa án nhân danh quyền lực Nhà nước để đưa ra phán quyết buộc bên có nghĩa vụ phải thi hành, kể cả bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước. Do đó, các đương sự thường tìm đến sự trợ giúp của Tòa án như một giải pháp cuối cùng để bảo vệ có hiệu quả các quyền, lợi ích của mình khi họ thất bại trong việc sử dụng cơ chế thương lượng hoặc hòa giải và cũng không muốn đưa vụ tranh chấp của họ để giải quyết bằng trọng tài.

Kết luận Chương 1

Tranh chấp phát sinh từ hoạt động tín dụng là một hiện tượng tất yếu khách quan, có thể xảy ra trong bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình thực hiện các nội dung của hợp đồng tín dụng do rất nhiều nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan. Điều quan trọng là làm thế nào có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về nó để đưa ra các biện pháp hạn chế đến mức thấp nhất việc phát sinh tranh chấp trong hợp đồng tín dụng. Trong Chương 1, luận văn đã tập trung nghiên cứu và làm rõ một số vấn đề cơ bản về hợp đồng tín dụng và các nguyên nhân và phương pháp giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng, chủ yếu là phương pháp giải quyết tranh chấp bằng con đường toà án. Từ đó, mới thấy được sự cần thiết trong xây dựng và áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG CON ĐƯỜNG TÒA ÁN Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

2.1. Thực trạng quy định thẩm quyền của toà án và trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

2.1.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường toà án

Thứ nhất, nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự.

Thứ hai, các đương sự có nghĩa vụ chứng minh.

Thứ ba, nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự.

Thứ tư, nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự.

Thứ năm, nguyên tắc hoà giải.

Thứ sáu, nguyên tắc xét xử vụ án dân sự phải có Hội thẩm nhân dân tham gia.

2.1.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường toà án

- Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp huyện) có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngân hàng không có yếu tố nước ngoài.

- Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương (sau đây gọi chung là Toà án nhân dân cấp tỉnh) có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngân hàng có yếu tố nước ngoài.

2.1.3. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường toà án

- Giai đoạn khởi kiện và thụ lý vụ án : để thực hiện quyền khởi kiện của mình, bên khởi kiện (nguyên đơn) phải chuẩn bị hồ sơ khởi kiện và nộp tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

- Giai đoạn hoà giải và chuẩn bị xét xử:

Trình tự tiến hành hoà giải : khi tiến hành hoà giải, Thẩm phán phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hoà giải thành để họ tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nếu như các bên hoà giải không thành thì toà án đem vụ án ra xét xử công khai hoặc xét xử kín để đảm bảo bí mật cho các bên khi các bên yêu cầu và được Toà án chấp thuận.

Thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng được quy định như sau: Đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp về hợp đồng dân sự thì thời hạn là bốn tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án. Đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp về hoạt động kinh doanh thương mại thì thời hạn là hai tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án. Ngoài ra, đối với các loại tranh chấp hợp đồng tín dụng mà có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không quá hai tháng đối với vụ án thuộc trường hợp tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp về hợp đồng dân sự và một tháng đối với vụ án thuộc trường hợp tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp về hoạt động kinh doanh, thương mại.

- Giai đoạn xét xử sơ thẩm (phiên tòa sơ thẩm):

Trong thời hạn một tháng kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là hai tháng.

- Giai đoạn xét xử phúc thẩm (phiên tòa phúc thẩm) : Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm và Viện kiểm sát cùng cấp là mười lăm ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là ba mươi ngày, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp kiểm

sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

- Giai đoạn xem xét lại bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực: gồm có thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục tái thẩm.

Ngoài thủ tục sơ thẩm và thủ tục phúc thẩm, giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng tại Tòa án còn có hai thủ tục nữa đó là : thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục tái thẩm.

2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án ở Việt Nam

2.2.1. Tình hình tranh chấp hợp đồng tín dụng được giải quyết bằng con đường tòa án ở Việt Nam

Hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đang ngày càng phát triển và có thể nói là phát triển rất nhanh. Vì vậy, tình trạng tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngày càng tăng.

Theo số liệu thống kê của ngành Tòa án, tranh chấp kinh doanh thương mại (trong đó có tranh chấp HĐTD) có chiều hướng gia tăng: năm 2011: 8.411 vụ, năm 2012 : 11.995 vụ, năm 2013 : 14.767 vụ. Nguyên nhân cơ bản nhất của tình hình này là do sự khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

So sánh giai đoạn 2006 – 2010, thì số vụ tranh chấp năm 2013 tăng gấp từ 2 đến 7 lần, trong đó tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các vụ án đã thụ lý và giải quyết.

2.2.2. Một số vụ án điển hình giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng tại tòa án ở Việt Nam

- Các vụ án đòi nợ quá hạn và lãi suất..
- Các vụ án xét xử tranh chấp hợp đồng tín dụng nhọc nhằn trong xác định giữa hợp đồng thế chấp, bảo lãnh.

- Xét xử vụ tranh chấp đòi nợ của ngân hàng và hợp đồng thế chấp.

2.3. Nhận xét về thực trạng giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng tại Tòa án ở Việt Nam và các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới chất lượng bản án

2.3.1. Nhận xét về thực trạng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án hiện nay

Qua thực tiễn giải quyết các tranh chấp HĐTD tại Tòa án thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định. Cụ thể là:

Thứ nhất, pháp luật quy định chi tiết thời hạn chuẩn bị xét xử.

Thứ hai, việc giải quyết tranh chấp HĐTD đã được thông nhất theo một thủ tục tổ tụng chung - thủ tục tổ tụng dân sự.

Thứ ba, Tòa án nhân dân các cấp đã không ngừng nâng cao chất lượng xét xử, làm rõ những yêu cầu của đương sự trong vụ án, tăng cường phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết vụ án.

Bên cạnh đó còn tồn tại một số yếu kém khuyết điểm sau đây :

Thứ nhất, trình độ năng lực của thẩm phán trong quá trình giải quyết tranh chấp còn nhiều bất cập.

Thứ hai, công tác thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm còn chậm.

Thứ ba, đối với công tác giám đốc thẩm, tái thẩm và giải quyết khiếu nại vẫn chưa đảm bảo được những quy định của pháp luật.

Thứ tư, pháp luật hiện hành liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tuy khá đầy đủ nhưng chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện.

Thứ năm, đội ngũ cán bộ Tòa án hiện nay còn thiếu về số lượng và yếu kém về năng lực, có một số cán bộ Tòa án sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp chưa cao nên đã có

những hành vi vi phạm làm ảnh hưởng không nhỏ tới danh dự, uy tín của ngành tư pháp.

Thứ sáu, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của Tòa án còn nhiều hạn chế.

2.3.2. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới chất lượng bản án

- Trình độ, năng lực của Thẩm phán

Thẩm phán thường có vai trò chủ tọa trong các phiên tòa giải quyết tranh chấp, là trực tiếp được giao nhiệm vụ xét xử, nhân danh nhà nước để bảo vệ pháp luật. Do đó, để có một bản án có chất lượng đòi hỏi thẩm phán cần phải có một vốn kiến thức vững chắc, am hiểu pháp luật và phải luôn cập nhật được kiến thức mới, thường xuyên được bồi dưỡng năng lực nghiệp vụ.

- *Hoạt động cung cấp chứng cứ, tài liệu và việc chứng minh của các chủ thể liên quan, nhất là các đương sự.* Trước Tòa án, nếu các đương sự không chứng minh được sự tồn tại quyền và lợi ích hợp pháp của họ thì không thể thuyết phục được Tòa án bảo vệ quyền cho mình. Vì trên thực tế, các Tòa án cũng có thể có sai lầm trong việc xác định các tình tiết, sự kiện của vụ tranh chấp. Do vậy, chứng minh không chỉ có ý nghĩa bảo đảm quyền cho đương sự mà còn có ý nghĩa giúp Hội đồng xét xử có những căn cứ pháp lý để giải quyết vụ án một cách chính xác và đúng luật.

- *Bất cập của các qui định pháp luật về giải quyết tranh chấp:*

Việc giải quyết các tranh chấp về HĐTD hiện nay được quy định khá nhiều trong các văn bản pháp luật khác nhau nên khó tránh khỏi sự chồng chéo, không thống nhất giữa các văn bản. Điều đó gây khó khăn cho việc giải quyết của Tòa án khi có tranh chấp xảy ra,

ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên trong vụ án và dẫn đến đưa ra một bản án chưa mang tính thuyết phục.

2.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án ở Việt Nam

2.4.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm hạn chế tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật quy định của pháp luật về lãi suất cho vay.

Theo tác giả khoản 5 điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 nên sửa đổi như sau: “*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi suất đối với nợ quá hạn theo lãi suất thực tế do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi suất tại hợp đồng vay, trường hợp các bên không có thỏa thuận thì lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tại hợp đồng này*”.

Sửa khoản 2 điều 476 BLDS năm 2005 theo hướng: “*Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*”.

Với quy định về lãi suất này sẽ góp phần hạn chế được sự tranh chấp về lãi suất trong hợp đồng tín dụng đồng thời ngăn chặn được khách hàng vay lợi dụng sự sơ hở về quy định lãi suất trong Bộ luật Dân sự 2005 mà chây lỳ trong thanh toán nợ.

Thứ hai, quy định pháp luật về bảo đảm thanh toán và xử lý tài sản bảo đảm.

Để tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất, đồng thời hạn chế được rủi ro trong

hoạt động tín dụng thì cần phải có các quy định về biện pháp bảo đảm tiền vay phù hợp với điều kiện thực tế về hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của khách hàng, phù hợp với thông lệ quốc tế, cần trao quyền chủ động hơn cho các tổ chức tín dụng. Thực tế cho thấy những hạn chế, vướng mắc của pháp luật về bảo đảm tiền vay, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về bảo đảm tiền vay, chế định đăng ký giao dịch bảo đảm cần tập trung vào việc giải quyết các vấn đề sau đây:

- Cần có sự nhất quán giữa các quy định pháp luật về bảo đảm tiền vay với các bộ phận pháp luật khác có liên quan như pháp luật về sở hữu, pháp luật về đất đai, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp, pháp luật về thi hành án góp phần quan trọng trong việc xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ của ngân hàng. Đồng thời, cần có quy định cụ thể cho việc thi hành các bản án liên quan đến các tổ chức tín dụng tránh việc khách hàng bị lợi dụng kéo dài thời gian thi hành án.

- Cần cải cách thủ tục công chứng, chứng thực về đăng ký giao dịch bảo đảm nhằm bảo đảm tính thống nhất đồng bộ.

- Cần quy định chế tài cụ thể đối với các cơ quan chức năng như Ủy ban nhân dân, Công an trong quá trình hỗ trợ ngân hàng thu hồi tài sản bảo đảm.

Thứ ba, Chế độ Hộ gia đình trong Bộ Luật Dân sự :

Theo tác giả nên loại bỏ Hộ gia đình, với tư cách là một chủ thể trong quan hệ dân sự trong Bộ luật Dân sự cũng như chủ thể sử dụng đất trong Luật Đất đai.

Thứ tư, quy định về nâng cao trình độ nghiệp vụ và đạo đức cho đội ngũ nhân viên tín dụng của ngân hàng.

2.4.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật liên quan đến giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Thứ nhất, về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án.

- Pháp luật hiện hành cho rằng tranh chấp kinh doanh, thương mại chỉ xảy ra giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Vậy, đối với những tranh chấp xảy ra giữa cá nhân, tổ chức mà một bên có đăng ký kinh doanh và một bên không có đăng ký kinh doanh nhưng đều có mục đích lợi nhuận thì sao? Theo tác giả nên sửa lại khoản 1 điều 29 BLTTDS theo hướng “*Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau hoặc một bên không có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận*”.

- Mở rộng thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp trong việc giải quyết các vụ việc tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng theo hướng Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết các vụ án tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có lợi nhuận.

Thứ hai, bổ sung các quy định về thủ tục rút gọn đối với giải quyết tranh chấp HĐTD.

Đối với những tranh chấp HĐTD mà chứng cứ rõ ràng, bị đơn có địa chỉ, lai lịch cụ thể, họ thừa nhận nghĩa vụ của mình trước nguyên đơn, nếu nguyên đơn xuất trình được chứng cứ bằng văn bản để chứng minh cho yêu cầu của mình và nếu như bị đơn cùng tất cả những người liên quan khác trong vụ tranh chấp không có sự phản đối về sự giả mạo của bằng chứng đó thì Tòa án có thể khẳng định được tính chính xác và độ tin cậy của các thông tin

trong các văn bản đó. Do vậy, Toà án không phải mất nhiều thời gian để điều tra, xác minh mà vẫn có thể giải quyết đúng pháp luật vụ tranh chấp đó, đảm bảo giải quyết nhanh gọn, hiệu quả. Vì thế, có cơ chế để cán bộ Toà án có cơ sở để ban hành quyết định áp dụng thủ tục rút gọn đối với những những tranh chấp được áp dụng thủ tục này.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đối với những tranh chấp HĐTD áp dụng thủ tục rút gọn thì thời hạn chuẩn bị xét xử là không quá 15 ngày, kể từ ngày thụ lý vụ án.

Về thời hạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Toà án phải mở phiên toà.

Khoản 1 điều 187 BLTTDS quy định : “Hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hoà giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Toà án phân công ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự”. Tuy nhiên qua thực tế cho thấy hầu hết các quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự do thẩm phán chủ trì phiên hoà giải ra quyết định. Vậy, cần phải sửa lại khoản 1 điều 187 BLTTDS 2004 theo hướng “*Hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hoà giải ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự*” để có tính khả thi cao trong thực tế.

2.4.3. Các kiến nghị khác

Ngoài việc, hoàn thiện pháp luật để tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc khi giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án thì cần phải có các giải pháp khác nhằm đảm bảo thực hiện việc giải quyết tranh chấp HĐTD được hiệu quả và đúng đắn hơn. Cụ thể như sau :

Thứ nhất, nâng cao trình độ, năng lực của Thẩm phán. Thẩm phán là người có vai trò quyết định trong việc cho ra một bản án có giá trị pháp lý cao. Vì vậy, đội ngũ thẩm phán phải có năng lực, luôn cập nhật những kiến thức mới và có kinh nghiệm dày dặn thì mới nắm bắt, giải quyết được các vấn đề một cách tốt nhất. Do đội ngũ thẩm phán ở Tòa án các quận, huyện còn hạn chế trong việc bồi dưỡng kiến thức mới nên việc giải quyết các vụ án, đặc biệt là các vụ án tranh chấp HĐTD còn nhiều thiếu sót và hạn chế dẫn đến nhiều bản án bị hủy. Chính vì thực tiễn như vậy đòi hỏi cần tăng cường, bồi dưỡng kiến thức cho các thẩm phán, bồi dưỡng cho những quy định mới về giải quyết tranh chấp HĐTD. Công việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thẩm phán một cách thường xuyên, đầy đủ thì mới nâng cao chất lượng và hiệu quả xét xử của họ ở các Tòa án quận, huyện.

Thứ hai, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân. Các tranh chấp xảy ra trong việc thực hiện HĐTD thường do nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Nguyên nhân chủ quan xuất phát từ nguyên nhân ý thức của người dân chưa cao. Chính vì vậy, cần tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về vấn đề pháp luật và vấn đề trách nhiệm của bản thân. Có như vậy thì các

tranh chấp sẽ phần nào giảm đi và hơn nữa sẽ giúp quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD ở Toà án sẽ nhanh chóng hơn một khi người dân đi vay đã có ý thức tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của mình.

Thứ ba, Cần quy trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân có liên quan, xử lý nghiêm minh đối với các cá nhân, tập thể cán bộ của Tòa án có vi phạm, những trường hợp vi phạm pháp luật, phẩm chất đạo đức kém phải kiên quyết xử lý nghiêm.

- Bổ sung quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và nguồn bổ nhiệm thẩm phán. Nguồn bổ nhiệm Thẩm phán không chỉ từ những người đang công tác trong ngành mà còn cả những người là các luật sư có đầy đủ những điều kiện theo quy định của pháp luật. Việc tiến hành công tác bổ nhiệm thẩm phán phải minh bạch, đảm bảo chọn được Thẩm phán có năng lực chuyên môn và đạo đức. Từ nhận định trên, cần thay thế quy định bổ nhiệm thẩm phán bằng thi tuyển thẩm phán, thực hiện công tác thi tuyển nghiêm túc, công bằng đối với các đối tượng dự thi.

Thứ tư, để đảm bảo quá trình tố tụng của Toà án trong các vụ án giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng được tiến hành đúng quy định của pháp luật thì cần tăng cường các biện pháp giám sát, kiểm tra của Viện kiểm sát đối với hoạt động tố tụng của Toà án. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng góp phần và giảm đáng kể số án xử oan, sai.

Kết luận Chương 2

Pháp luật không những là công cụ quản lý mà còn là động lực cho nền kinh tế phát triển. Một hệ thống pháp luật tiên bộ và hiệu quả sẽ không những tạo ra các thành tựu kinh tế mà còn góp phần hạn chế rủi ro. Đối với ngân hàng muốn tồn tại và phát triển bên cạnh mở rộng các hoạt động tín dụng cũng phải quan tâm đến việc hạn chế những tranh chấp xảy ra trong hoạt động tín dụng. Pháp luật về giải quyết các tranh chấp xảy ra trong HĐTD có vai trò hết sức to lớn giảm thiểu sự rủi ro trong việc giải quyết nợ xấu thu hồi vốn. Qua đó, giúp cho các ngân hàng có thể giảm thiểu đến mức thấp nhất các rủi ro có thể phát sinh trong khi tiến hành các nghiệp vụ tín dụng và làm cho ngân hàng tồn tại và phát triển, đồng thời còn góp phần giúp cho thị trường tiền tệ ổn định và phát triển. Trên cơ sở sự phân tích, làm rõ lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD, tác giả mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa các qui định pháp luật về vấn đề này.

KẾT LUẬN

Trong các hoạt động của tổ chức tín dụng thì hoạt động cho vay là hoạt động chủ yếu mang lại lợi nhuận cao. Bản chất của hoạt động trên chính là hoạt động kinh doanh tiền tệ. Hoạt động này luôn chứa đựng nhiều rủi ro và tiềm ẩn những mâu thuẫn về quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng và dẫn đến xảy ra tranh chấp. Việc mâu thuẫn dẫn đến tranh chấp xuất phát từ nhiều nguyên nhân như quy định của pháp luật chưa thật chặt chẽ, còn rườm rà, thậm chí còn hạn chế. Từ đó, dẫn đến việc áp dụng vào thực tiễn lúng túng, không khả thi và bất hợp lý dẫn đến tranh chấp xảy ra. Hoặc do các bên thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình, thậm chí do tập quán giao kết hợp đồng hiện

nay không còn phù hợp nữa, chẳng hạn như: Một là, hợp đồng tín dụng theo mẫu chứa đựng nhiều điều khoản chưa rõ ràng gây ra thiệt hại cho khách hàng vay tham gia vào hợp đồng tín dụng, từ đó mâu thuẫn về quyền lợi và dẫn đến tranh chấp. Hai là, do sự yếu kém về năng lực, cầu thả trong công việc thậm chí là bị tha hóa về đạo đức của cán bộ tín dụng. Cho nên, vấn đề tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng so với các loại tranh chấp kinh doanh, thương mại khác hiện nay là khá cao. Từ thực tế đó, cần thiết phải có các giải pháp tích cực, lâu dài nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tranh chấp xảy ra.

Trong khuôn khổ hạn hẹp của luận văn, những nội dung pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án ở Việt Nam nêu trên được tác giả phân tích làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐTD bằng con đường tòa án khá chi tiết làm cơ sở cho việc đưa ra đề xuất cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với thời gian hạn hẹp, vốn kiến thức ít ỏi, luận văn không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giúp cho Luận văn được hoàn chỉnh hơn.

